

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng với thanh khoản tăng.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, VPB

[Cập nhật công ty]

STB, VPB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán xoay vòng một phần tỷ trọng trading quanh ngưỡng cản đã đề cập và chỉ mở mua trở lại khi giá của các cổ phiếu mục tiêu đã về quanh hỗ trợ.

28/03/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,054.29	+0.19
VN30	1,058.82	+0.22
HĐTL VN30F1M	1,051.50	+0.40
HNXIndex	205.76	-0.44
HNX30	364.66	-0.75
UPCoM	75.58	-0.13
USD/VND	23,508	-0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.56	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.67	+6
Dầu (WTI, \$)	73.14	+0.45
Vàng (LME, \$)	1,952.15	-0.23



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,054.29 (+0.19%)
KLGD (triệu CP) 583.1 (+17.0%)
GTGD (triệu US\$) 476.7 (+15.4%)

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại VHM (-0.8%), HPG (-0.5%), VCB (+0.9%).

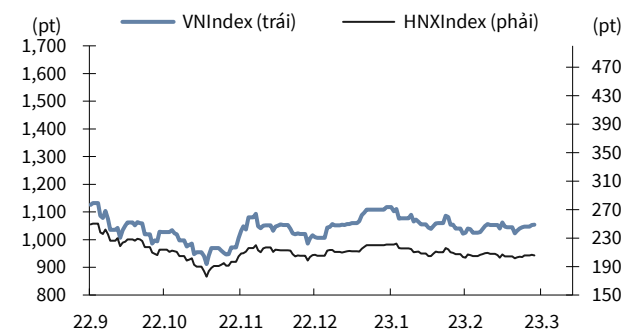
HNXIndex 205.76 (-0.44%)
KLGD (triệu CP) 69.2 (+5.0%)
GTGD (triệu US\$) 41.7 (+17.9%)

Giá dầu tăng trở lại trong bối cảnh nhà đầu tư đánh giá nỗ lực của các nhà chức trách trong việc trấn an người dân trước những quan ngại về hệ thống ngân hàng toàn cầu. Bên cạnh đó, giá dầu cũng nhận được sự hỗ trợ từ những căng thẳng địa chính trị ở châu Âu. Các cổ phiếu ngành dầu khí tăng ở GAS (+1.67%), BSR (+0.65%), PVS (+0.79%).

UPCoM 75.58 (-0.13%)
KLGD (triệu CP) 25.6 (+11.6%)
GTGD (triệu US\$) 11.1 (+28.5%)

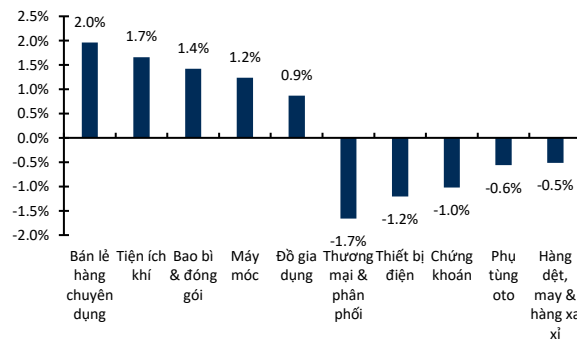
Thủ tướng Phạm Minh Chính vừa chủ trì phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 03/2023. Các chính sách nhằm huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư xây dựng các công trình giao thông, góp phần thực hiện đột phá chiến lược về hạ tầng. Các cổ phiếu ngành đầu tư công tăng ở KSB (+1.3%), HHV (+1.5%), CTI (+1.66%).

VNIndex & HNXIndex



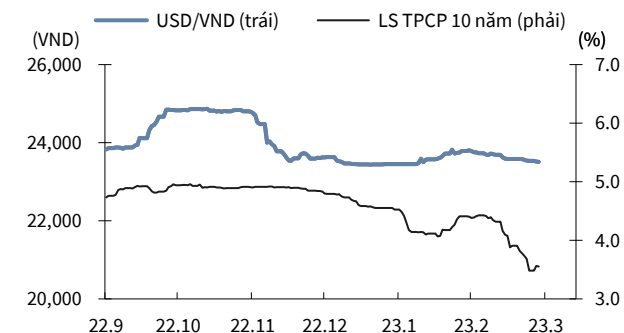
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



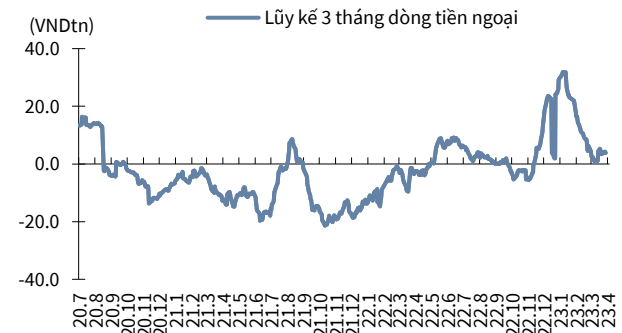
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

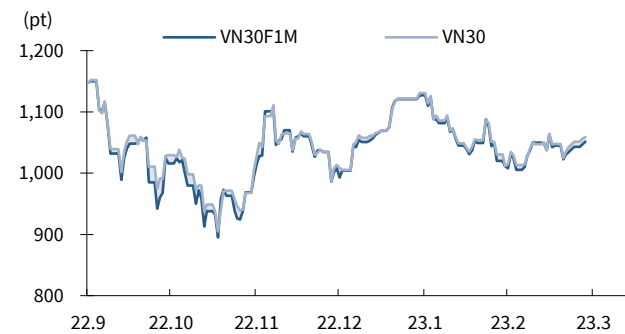
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 1,058.82 (+0.22%)
VN30F1M 1,051.5 (+0.40%)
Mở cửa 1,052.6
Cao nhất 1,060.0
Thấp nhất 1,050.1

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở. Chênh lệch giữa F2304 và chỉ số VN30 ghi nhận mức cao nhất phiên tại -0.85 điểm ở đầu phiên sáng, sau đó biến động trong biên độ âm toàn phiên, đóng cửa tại -7.32 điểm. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

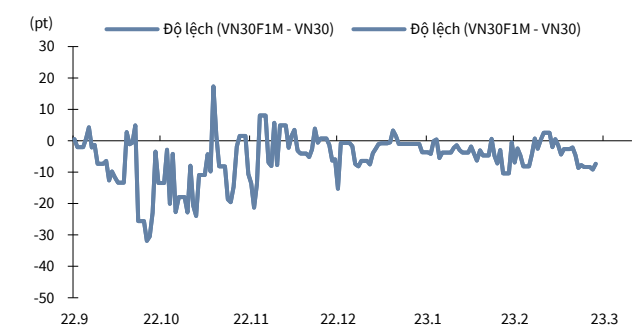
KLGD (HĐ) 308,344 (-1.7%)

HĐTL VN30F1M & VN30



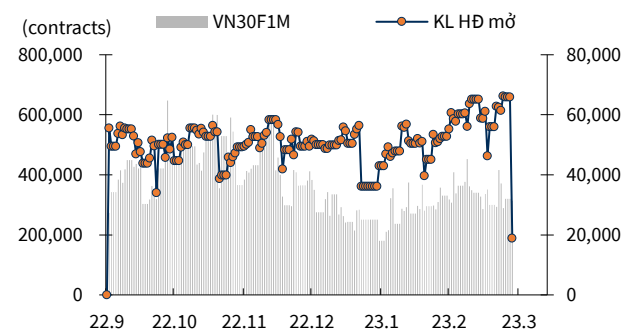
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



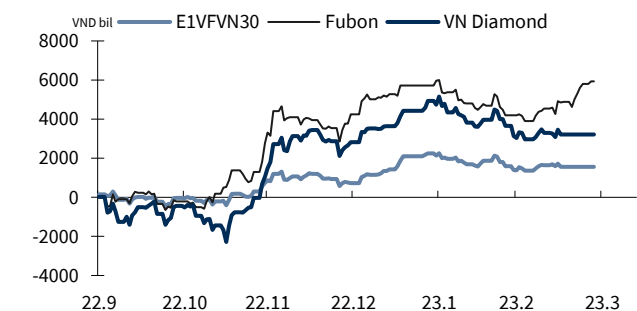
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

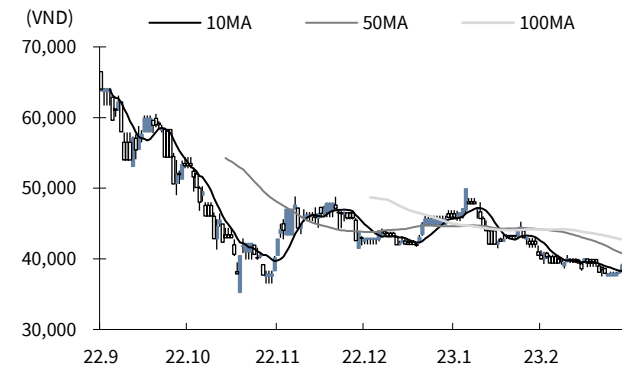
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)

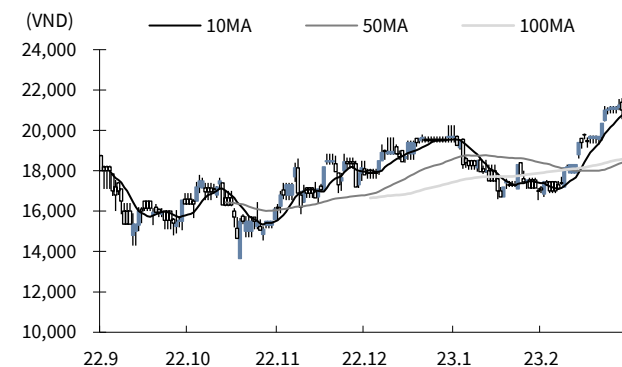


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 2.62% lên 39,100VND/cp.

- CTCP Đầu tư Thế giới Di động vừa bổ sung tờ trình chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt (500 đồng/cp), không có kế hoạch trả cổ tức bằng cổ phiếu như những năm trước. Với 1.46 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, ước tính MWG sẽ chi khoảng 732 tỷ đồng để thanh toán cổ tức cho năm 2022. Thời gian thực hiện trong năm nay.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB giảm 1.18% xuống 21,000VND/cp.

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thông báo đã đạt thỏa thuận bán 15% cổ phần cho Ngân hàng SMBC, thuộc tập đoàn tài chính SMFG của Nhật Bản, thông qua một đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Thỏa thuận này đã chính thức đưa SMBC Group trở thành nhà đầu tư chiến lược của VPBank. Khoản đầu tư từ SMBC sẽ mang lại cho VPBank 35,900 tỷ đồng vốn cấp 1, nâng tổng vốn chủ sở hữu của VPBank từ 103,500 tỷ đồng lên xấp xỉ 140,000 tỷ đồng.

NHTMCP Sài Gòn Thương tín (STB)

KQKD 2022 tăng trưởng cao nhờ xử lý xong lãi dự thu

Chuyên viên Phân tích Tài chính

Nguyễn Đức Huy

huynd1@kbsec.com.vn

28/03/2023

LNTT Q4 vẫn tăng 85.7%YoY dù đẩy mạnh trích lập dự phòng VAMC

Thu lãi thuần quý 4 đạt 6,043 tỷ VND, tăng 4.8%QoQ và 142.2%YoY. Thu ngoài lãi quý 4 giảm 15.7% so với cùng kỳ, đạt 1,788 tỷ VND do thu dịch vụ thấp hơn. Chi phí dự phòng rủi ro tăng mạnh 155%YoY do STB tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng cho trái phiếu VAMC. Lợi nhuận trước thuế quý 4 tăng mạnh 85.7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế lũy kế cả năm 2022 đạt 6,339 tỷ VND, tăng 44.1%YoY.

NIM quý 4 giảm nhẹ dưới áp lực chi phí vốn

Sau khi hoàn tất xử lý lãi dự thu vào cuối quý 2 lợi suất tài sản bất tăng trở lại mức 8.53% vào quý 3 và tiếp tục cải thiện lên mức 9.38% trong quý 4. Chi phí đầu vào bình quân cũng có mức tăng tương tự là khoảng 0.82 điểm % so với quý 3 do áp lực lãi suất huy động trên cả thị trường 1 và 2. NIM quý 4 vẫn tăng nhẹ khoảng 0.09 điểm % theo quý và đạt 4.71%.

Duy trì tăng trưởng nguồn vốn theo sát hoạt động giải ngân tín dụng

Tăng trưởng tín dụng cả năm 2022 đạt 13.1% phù hợp với room tín dụng được giao và định hướng của ngân hàng. Tăng trưởng huy động đạt 9.8%YoY nên LDR tăng lên 83.4% tương đối sát quy định. Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn vẫn theo sát quy định của NHNN, đạt 23.7%.

Nợ cần chú ý tăng mạnh trong những tháng cuối năm

Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất đạt 0.99%, giảm 0.49 điểm %YoY. Quy mô nợ nhóm 2 tăng vọt lên chiếm 1.2% tổng dư nợ nhưng được kỳ vọng giảm về mức bình thường trong 1Q2023. Tài sản tồn đọng chỉ còn chiếm khoảng 4.5% tổng tài sản. Trái phiếu VAMC ròng chỉ còn khoảng 7 nghìn tỷ (-60.9%YoY).

Định giá – Khuyến nghị MUA, giá 31,200 đồng/cổ phiếu

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu 1 năm của cổ phiếu STB là 31,200 VND/cp, cao hơn 22.4% so với giá tại ngày 27/03/2023.

Mua Duy trì

Giá mục tiêu VND 31,200

Tăng/giảm	22.4%
Giá hiện tại (27/03/2023)	25,500
Giá mục tiêu thị trường	32,600
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	47,103

Dữ liệu giao dịch

Freefloat (%)	93.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	433.42
Sở hữu nước ngoài (%)	28.35
Cơ cấu cổ đông lớn	Dragon Capital (5.87%) Eximbank (4.73%)

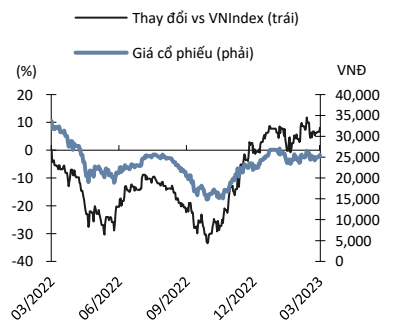
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	8.1	13.3	24.4	-19.9
Tương đối	5.0	8.3	38.1	13.0

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	11,964	17,147	24,181	27,880
LN trước CF DPRSTD (tỷ VND)	7,954	15,177	19,283	22,718
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	3,411	5,041	10,909	15,549
EPS	1,630	2,459	5,787	8,248
Tăng trưởng EPS (%)	30.6%	50.9%	135.3%	42.5%
PER (x)	9.71	12.70	5.40	3.79
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	16,223	18,867	25,047	33,221
PBR (x)	0.98	1.66	1.25	0.94
ROE (%)	10.8%	13.8%	24.5%	26.7%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

VPBank (VPB)

Thỏa thuận bán 15% cổ phần cho SMBC thông qua phát hành riêng lẻ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) ngày 27/3 đưa ra thông báo đã đạt thỏa thuận bán 15% cổ phần cho Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) – thuộc tập đoàn tài chính Sumitomo Mitsui Financial Group, Inc (SMFG) của Nhật Bản – thông qua một đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Thỏa thuận này đã chính thức đưa SMBC Group trở thành nhà đầu tư chiến lược của VPBank. Khoản đầu tư từ SMBC sẽ mang lại cho VPBank 35,9 nghìn tỷ đồng vốn cấp 1 (tương đương mức giá 30.160 đồng/cổ phiếu), nâng tổng vốn chủ sở hữu của VPBank từ 103,5 nghìn tỷ đồng lên xấp xỉ 140 nghìn tỷ đồng.

Theo đánh giá của KBSV, thương vụ này sẽ mang lại cho VPB 1 số lợi thế:

- Cải thiện nguồn vốn cấp 1, qua đó nâng tỷ lệ an toàn vốn CAR lên mức cao hơn (hiện tại đang ở mức 12.7% đối với ngân hàng mẹ và 14.9% đối với hợp nhất), qua đó đáp ứng được room tăng trưởng tín dụng lớn (kỳ vọng room tăng trưởng cao sau khi nhận cơ cấu ngân hàng yếu kém).
- Hợp tác chiến lược với SMBC là cơ hội để VPB có thể tiếp cận các nguồn vốn vay offshore chi phí thấp trong tương lai, qua đó cải thiện NIM của ngân hàng.
- Thế mạnh khai thác tệp khách hàng FDI có mối quan hệ với SMBC.
- SMBC sau khi trở thành cổ đông chiến lược, với vị thế là một trong ba tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất Nhật Bản sẽ có những đóng góp quan trọng để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của VPB trong dài hạn.
- Bên cạnh đó, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang có nhiều biến động, khoản đầu tư của SMBC vào VPB với giá cao hơn giá thị trường ~ 50% là một dấu hiệu tích cực cho thấy niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào triển vọng của VPB nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung trong trung – dài hạn.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen đến cuối phiên.
- Ngưỡng cản mạnh quanh 105x tiếp tục cho phản ứng và khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp rung lắc giằng co trong phiên kế tiếp nhằm thiết lập một mặt bằng giá vững chãi hơn trước khi quay lại xu hướng hồi phục chủ đạo và hướng lên vùng đích kỳ vọng 1070.
- NĐT được khuyến nghị bán xoay vòng một phần tỷ trọng trading quanh ngưỡng cản đã đề cập và chỉ mở mua trở lại khi giá của các cổ phiếu mục tiêu đã về quanh hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1065 - 1070

Kháng cự gần: 1057 - 1060

Hỗ trợ gần: 1046 - 1049

Hỗ trợ xa: 1038 - 1041

- F1 tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được về cuối phiên.
- Ngưỡng cản mạnh quanh 105x tiếp tục cho phản ứng và khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp điều chỉnh giảm co trong phiên kế tiếp nhằm thiết lập một mặt bằng giá vững chãi hơn trước khi quay lại xu hướng hồi phục chủ đạo và hướng lên vùng đích kỳ vọng 1070.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời một phần vị thế LONG quanh các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

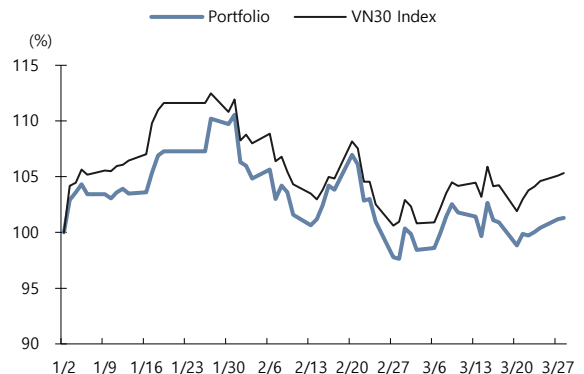
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.22%	0.12%
Tăng lũy kế (YTD)	5.34%	1.32%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/03/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	39,100	2.6%	1.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	20,800	-1.0%	-0.7%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	77,800	-0.5%	35.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	21,850	-0.2%	-10.8%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	13,800	0.0%	-19.3%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	79,200	0.1%	226.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,900	0.5%	52.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	103,700	1.7%	41.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	20,700	-0.5%	85.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	22,700	-1.5%	120.9%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.8%	24.2%	65.4
HPG	-0.5%	23.3%	41.1
VCB	0.9%	23.6%	40.3
DXG	1.7%	19.5%	39.2
FUEVFNVD	0.6%	96.1%	22.5
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	1.2%	30.6%	-66.8
VNM	-0.3%	55.8%	-44.0
VPB	-1.2%	17.6%	-43.0
DGW	-0.6%	25.2%	-28.2
DGC	1.4%	16.0%	-13.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-0.3%	1.1%	5.7
TNG	-0.6%	13.0%	2.4
BVS	0.0%	7.4%	1.3
SHS	-2.2%	6.9%	0.5
PVI	0.6%	59.6%	0.5
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	-0.3%	1.1%	5.7
TNG	-0.6%	13.0%	2.4
BVS	0.0%	7.4%	1.3
SHS	-2.2%	6.9%	0.5
PVI	0.6%	59.6%	0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	5.1%	SSI, VND, HCM, VCI
Ngân hàng	4.3%	VCB, BID, VPB, TCB
Xây dựng và kỹ thuật	3.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Bao bì & đóng gói	3.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	3.1%	PLX, PGC, CNG, GSP
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-2.3%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-1.2%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Tiện ích điện	-1.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Bảo hiểm	-0.8%	BVH, MIG, BIC, BMI
Sản xuất điện	-0.7%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	15.7%	SSI, VND, HCM, VCI
Phụ tùng oto	12.6%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hàng không dân dụng	7.7%	VJC, HVN
Quản lý & phát triển bất động sản	6.4%	VHM, VIC, NVL, BCM
Xây dựng và kỹ thuật	5.5%	DIG, HDG, VCG, PC1
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-4.0%	MWG, FRT, CTF, HAX
Đồ gia dụng	-3.8%	TTF, GDT, EVE, SAV
Dược	-3.6%	DHG, IMP, TRA, DBD
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-3.5%	TLG, ILB, APC, ST8
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-3.3%	PLX, PGC, CNG, GSP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	75,077 (3.2)	22.5	37.3	35.2	14.7	4.8	4.7	1.8	1.8	0.2	1.1	1.5	-0.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	116,015 (4.9)	26.6	6.4	6.1	35.9	20.3	17.9	1.2	1.0	-0.8	5.7	15.7	0.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	79,131 (3.3)	17.8	18.5	16.7	-7.6	9.9	10.3	1.8	1.7	-0.2	-0.7	9.6	11.2
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	147,725 (6.3)	31.3	5.3	3.8	6.7	6.5	-3.4	0.7	0.7	-0.8	14.0	18.9	-10.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	28,185 (1.2)	11.6	21.2	14.4	13.7	8.7	12.5	1.5	1.4	0.2	2.1	5.1	0.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	167,674 (7.1)	13.9	16.0	21.2	-	5.3	3.8	0.8	0.9	1.6	6.9	23.5	-3.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	81,073 (3.4)	6.3	13.0	11.9	11.7	21.0	19.2	2.6	2.2	0.9	6.1	-1.8	14.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	36,559 (1.5)	12.7	12.2	10.3	-5.3	19.1	20.4	1.9	1.6	0.0	1.4	4.3	19.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	66,616 (2.8)	0.0	4.6	4.0	14.3	17.0	16.8	0.7	0.6	4.0	4.6	4.0	6.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	56,962 (2.4)	1.4	7.8	6.8	50.3	16.6	17.7	1.1	1.1	0.5	2.1	5.5	6.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	391,305 (16.6)	0.0	9.8	8.0	18.8	13.4	14.1	1.2	1.1	-1.2	3.2	23.2	17.3
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	124,564 (5.3)	0.0	4.6	3.9	14.6	22.4	20.8	0.9	0.7	0.3	3.7	4.3	5.3
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	39,532 (1.7)	4.2	4.5	4.2	23.3	23.2	19.7	1.0	0.8	-0.3	4.3	6.5	13.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	458,808 (19.4)	14.0	6.0	4.4	26.5	21.4	24.0	1.0	0.8	-0.4	3.3	6.9	12.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	97,188 (4.1)	0.0	4.8	4.1	37.4	20.1	20.6	0.9	0.8	-0.2	1.2	-6.2	3.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	59,168 (2.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.0	2.4	5.6	-18.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,429 (0.5)	21.0	16.5	14.0	15.8	10.4	11.2	1.7	1.6	0.0	-1.0	0.0	4.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	2,905 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.6	-0.2	-3.7	15.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	317,716 (13.5)	55.4	19.9	16.4	-3.2	7.3	8.9	1.4	-	-1.0	4.0	14.0	17.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	175,585 (7.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.9	8.2	23.3	36.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	120,802 (5.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.8	2.1	7.5	22.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	268,032 (11.3)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.3	3.0	13.4	13.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	104,161 (4.4)	42.1	17.8	16.0	4.0	29.7	32.1	4.9	4.6	-0.3	0.0	-1.5	-2.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,781 (1.2)	36.9	22.0	19.9	7.3	22.1	21.7	4.5	4.1	0.0	0.0	-1.1	11.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	98,566 (4.2)	16.5	23.0	16.6	-51.9	11.6	16.3	3.3	2.9	1.2	-3.1	-5.4	-16.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	10,361 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	1.4	5.8	5.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	30,385 (1.3)	11.0	29.3	19.0	-88.5	16.4	27.8	-	-	-0.1	2.5	6.4	-2.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	18,635 (0.8)	10.8	13.5	16.9	-57.0	23.7	12.1	1.8	1.7	0.0	2.6	5.3	13.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	44,369 (1.9)	38.4	21.7	9.0	65.7	3.0	7.3	-	-	-0.3	2.1	13.1	13.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	81,023 (3.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.4	2.9	8.7	0.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	12,451 (0.5)	3.6	18.6	9.1	-52.4	1.9	3.8	0.3	0.3	-1.0	6.3	17.7	20.4
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	11,746 (0.5)	0.0	10.1	8.9	-4.5	14.3	14.3	1.3	1.2	0.0	1.5	0.3	-4.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	19,172 (0.8)	46.1	17.4	17.2	-17.5	19.9	18.0	3.2	3.0	1.7	0.5	0.2	2.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,372 (0.8)	31.4	13.1	10.0	-10.5	14.2	18.1	1.8	1.7	-0.3	-1.7	-0.7	-1.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,089 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-1.1	-8.3	-6.4	9.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	417,772 (17.7)	18.0	11.6	8.1	21.9	10.6	13.8	1.1	1.0	-0.5	1.2	3.5	15.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	39,785 (1.7)	36.5	5.6	8.5	-0.5	17.9	13.0	0.9	0.9	-0.6	0.0	-4.0	-21.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	65,835 (2.8)	46.5	8.3	8.1	-4.5	15.2	14.8	1.2	1.1	-0.6	-0.4	3.8	-7.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	263,863 (11.2)	38.9	14.5	7.5	67.9	3.5	8.9	0.8	0.7	-0.6	0.9	11.7	40.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	22,392 (0.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.1	2.5	4.0	32.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	38,451 (1.6)	4.6	16.4	13.6	-51.0	11.1	11.7	1.8	1.7	0.3	3.2	-4.0	12.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	81,529 (3.4)	39.9	26.8	13.0	-11.9	2.9	6.0	0.8	0.7	0.2	2.8	-4.5	13.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	45,508 (1.9)	35.9	7.5	6.7	2.2	14.3	14.6	1.0	0.9	0.2	-0.5	5.4	-7.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	69,346 (2.9)	0.0	12.1	8.8	14.4	17.7	21.3	2.1	1.8	2.6	1.6	-2.3	-8.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	20,691 (0.9)	0.0	13.0	10.8	2.4	22.8	22.9	2.5	2.2	-0.5	-1.5	1.2	-13.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	886 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-1.0	-4.8	11.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	46,915 (2.0)	30.3	21.9	15.9	-75.2	19.8	22.1	3.5	2.9	-0.3	-3.0	-5.9	-5.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	14,791 (0.6)	34.6	8.8	7.8	41.2	21.9	23.1	1.1	1.0	-0.4	0.8	-1.6	0.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	416 (0.0)	45.4	13.1	12.0	10.7	21.7	20.8	2.6	2.3	-0.2	0.8	-3.1	9.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	54,592 (2.3)	0.0	14.0	11.7	15.5	28.0	29.0	3.3	2.8	0.1	1.4	-1.6	3.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Nguyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.